

Bản tin chứng khoán

Trong số này

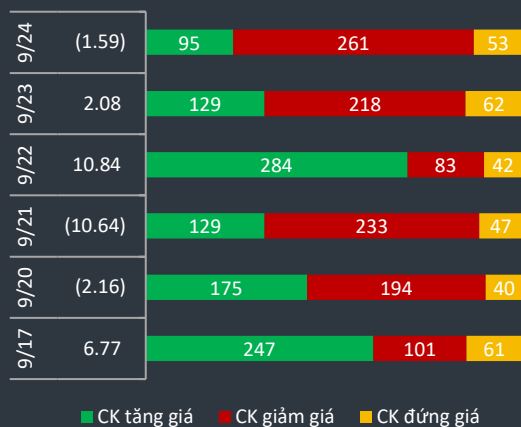
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

MBB		310.40
GMD		50.46
VHM		49.70
KDH		37.22
HCM		34.11
VNM		31.75
HDB	(14.51)	
HSG	(26.11)	
DPM	(29.37)	
NVL	(36.68)	
DGC	(52.85)	
VIC	(60.10)	
MSN	(65.33)	
HPG	(127.27)	

Thị trường tiếp tục rung lắc ở phiên cuối tuần với số mã giảm chiếm gấp 3 lần mã xanh với hàng loạt cổ phiếu bị bán mạnh. Tuy nhiên chỉ số Vnindex vẫn giữ trạng thái xanh hầu hết thời gian giao dịch trong phiên và chỉ chớm đỏ ở những phút giao dịch cuối ngày. Trái ngược với độ rộng thị trường thu hẹp đáng kể thì chỉ số VN30 vẫn xanh điểm nhờ ½ số mã tăng điểm.

Nhóm ngân hàng trở thành động lực quan trọng giúp đỡ chỉ số index khi gần như hầu hết cổ phiếu đều tăng điểm trong ngày chỉ trừ 3 mã mất điểm nhẹ EIB, SGB, PGB. MSB tăng 3.3% cùng với MBB 2.7% và VBB 2.5% là top đầu mã ngân hàng hôm nay. Nhóm bank tầm trung và lớn cũng tăng khá như OCB, VIB, ACB, STB, VAB trên 1%. OCB trở lại đà tăng nhẹ trong ngày 1.4% và đóng cửa ở 24.65. Thanh khoản của OCB đột biến hơn 5.1 triệu cổ phiếu cùng với MBB, SHB, MSB, STB, TPB đứng top đầu giao dịch trong ngày. Theo dự đoán sắp tới OCB có thể được bổ sung vào rổ VnDiamond do đã thỏa mãn các điều kiện yêu cầu. Nếu được thêm vào khả năng OCB sẽ được quỹ mua vào tương ứng hơn 5 triệu cổ phiếu.

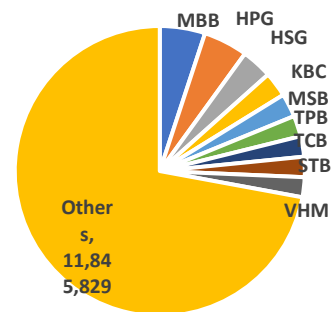
Sau vài phiên tạo sóng nhóm cổ phiếu Bảo hiểm chứng lại và hơn ½ điều chỉnh nhẹ. Nhóm chứng khoán suy yếu mạnh trong vài phiên gần đây và hầu hết đều mất điểm trong ngày. Nhóm cổ phiếu nhỏ và vừa giảm từ 3% - 7% trong khi nhóm đứng đầu như SSI, HCM, VCI, VND cũng mất trên -1%.

Những cổ phiếu nóng BMC, CSV có sự giằng co nhẹ và đôi lúc còn chớm xanh như BMC nhưng đóng cửa tiếp tục bị dư bán sàn phiên thứ 2 liên tiếp. Nhiều cổ phiếu vượt đỉnh vừa qua cũng giảm mạnh và bị lượng cung lớn bán ra như TGG, DGC, FIT, ITA, PVT, SMC ...

Khối ngoại trong tuần bán ròng khoảng trên 800 tỷ đồng trong đó tập trung vào các mã VIC, HPG, DGC, NVL và MSN. Phía mua ròng đáng chú ý tập trung vào nhóm cổ phiếu ngân hàng như MBB, VCB và một số blue chip VNM, VHM, KDH, VCI.

Vnindex 1,351.17

▼ -1.59 (-0.121%)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
MBB	28.7	800	2.87
BVH	58.8	1,000	1.73
VIB	38.5	650	1.72
ACB	32.0	400	1.27
HVN	25.9	300	1.17
SAB	160.0	1,800	1.14
VJC	125.0	1,300	1.05
TCB	50.6	400	0.80
BID	39.7	250	0.63
STB	26.8	150	0.56
GAS	91.0	400	0.44
HDB	25.5	100	0.39
VHM	79.6	300	0.38
CTG	31.7	100	0.32
TPB	41.6	50	0.12
VPB	67.0	-	-
BCM	45.5	-	-
VCB	99.5	-	-
NVL	103.0	-	-
VIC	87.0	(100)	(0.11)
VNM	90.7	(100)	(0.11)
PNJ	92.0	(200)	(0.22)
SSI	41.8	(100)	(0.24)
PDR	80.3	(300)	(0.37)
HPG	50.8	(200)	(0.39)
PLX	50.0	(200)	(0.40)
FPT	92.7	(400)	(0.43)
GVR	37.0	(200)	(0.54)
MWG	130.5	(1,500)	(1.14)
DHG	103.0	(1,300)	(1.25)
POW	11.6	(150)	(1.28)
VRE	28.5	(400)	(1.38)
MSN	142.4	(2,600)	(1.79)
REE	65.2	(1,800)	(2.69)

Chỉ số Vnindex đóng cửa giảm nhẹ 1.6 điểm về 1351, như vậy so với tuần trước chỉ số Index hầu như không thay đổi có điều thanh khoản trong tuần vừa qua có gia tăng hơn nhờ những phiên thị trường dao động mạnh với biên độ +/-10 điểm. Dù vẫn trong xu hướng tăng nhưng đường Vnindex đang chuyển sang đi ngang nhiều hơn và vùng kháng cự 1360-1370 vẫn gây áp lực khá lớn. Trong tuần sau sẽ có những báo cáo quan trọng về tình hình vĩ mô Q3 và có thể đây sẽ là tin không vui với thị trường. Nhà đầu tư giữ tỷ trọng an toàn tài sản, chỉ mua tích lũy ở những nhịp điều chỉnh mạnh. Một số cổ phiếu lưu ý nắm giữ ngắn hạn: OCB, MBB, TPB, VCI, HPG, NKG, GVR, MWG, DGW.

Thếp: HPG, HSG, NKG

Phân đạm: DCM, DPM

Bán lẻ: DGW, FRT, MWG

Ngân hàng: OCB, TPB, VPB, MBB

Các ngành khác: DGC, GVR, FPT, SZC, VCI, DPR, BVH, ABI

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
DPR	66.9	(3.9)	57	75	Mua vào quanh 65-67	9/21/2021	-0.1%
IDC	49.6	7.8	45	65	Mua vào quanh 50-52	9/21/2021	-0.8%
REE	65.2	(2.5)	50	65	Nắm giữ	7/12/2021	27.8%
GVR	37.0	(4.0)	28	38	Nắm giữ, lưu ý ngưỡng kháng cự 38	7/12/2021	25.9%
HCM	54.5	1.5	44	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 52-53	7/12/2021	21.1%
VCI	62.5	(1.6)	47	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 62	7/12/2021	27.6%
SSI	41.8	(2.8)	45	70	Nắm giữ	7/12/2021	26.7%
MBB	28.7	3.1	25	35	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 28	7/12/2021	-1.0%
OCB	24.7	7.9	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	7.4%
HPG	50.8	(1.9)	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 45	7/12/2021	12.9%
STB	26.8	(0.2)	27	35	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 27	7/12/2021	-4.3%
KBC	44.2	4.5	32	45	Mua quanh 35-37	8/28/2021	13.3%
DGW	116.2	1.0	120	170	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	132.4%
MWG	130.5	6.1	130	190	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 120	2/3/2021	53.5%

MWG - Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động

Price: 130,500

Báo cáo sớm kết quả kinh doanh 8 tháng



Giá mục tiêu 150,000 (+15%)

Lợi nhuận 2021F 4700 tỷ

EPS forecast 6,600

PE forecast 19.6

Ngưỡng hỗ trợ 100,000

Ngưỡng kháng cự 150,000

Lợi nhuận 8 tháng đạt trên 3000 tỷ, hoàn thành 63% kế hoạch

MWG vừa báo cáo kết quả kinh doanh tháng 8 doanh thu thuần hợp nhất là 78.495 tỷ đồng (tăng 8% so với cùng kỳ) và lợi nhuận sau thuế (LNST) là 3.006 tỷ đồng (tăng 12% so với cùng kỳ). Doanh thu online đóng góp hơn 7.540 tỷ đồng cho MWG (tăng 17% so với cùng kỳ). Với kết quả này, Công ty đã hoàn thành 63% kế hoạch doanh thu và 63% kế hoạch LNST cả năm.

Tuy vậy tháng 8 tiếp tục là tháng có kết quả kinh doanh sụt giảm nhất khi hàng loạt cửa hàng TGDĐ và Điện máy chưa thể hoạt động trở lại. Doanh thu tháng 8 chỉ đạt 6509 tỷ, giảm 31% so với tháng trước đó và chỉ bằng 65% so với đầu năm. Không những doanh số cửa hàng điện thoại và điện máy giảm hơn 1/2 so với đầu năm mà doanh số từ bách hóa xanh suy giảm đáng kể thấp hơn 26% so với tháng 7. Điều này lý giải một phần nhờ lượng mua lớn giai đoạn đầu giãn cách nhưng các tháng sau nguồn cung từ các siêu thị và bán lẻ dồi dào hơn, chưa kể BHX bị ảnh hưởng tiêu cực từ việc bán hàng thiếu minh bạch cũng ảnh hưởng uy tín thương hiệu.

Với việc nới giãn cách từ tháng 10 và các cửa hàng của MWG có thể mở cửa hoạt động trở lại từ đó có nhiều lý do lạc quan doanh số của công ty sẽ khởi sắc hơn từ tháng 10 trở đi. Hiện nay doanh thu trung bình mỗi cửa hàng BHX hiện vẫn ở mức cao 1.6 tỷ/tháng và đang trở thành nguồn cung bán lẻ quan trọng của cả nước.

		2021.01	2021.02	2021.03	2021.04	2021.05	2021.06	2021.07	2021.08
Thế Giới Di Động	Số Cửa Hàng	908	908	909	923	927	936	949	949
	% Doanh thu	25.0%	26.8%	26.8%	26.8%	25.8%	25.0%	23.9%	23.3%
	Doanh thu	2,762	5,821	8,262	10,840	13,372	15,622	17,205	18,289
	DT mỗi CH	3.0	6.4	9.1	11.7	14.4	16.7	18.1	19.3
	DT CH mỗi tháng	2,762	2,910	2,754	2,710	2,674	2,604	2,458	2,286
Điện Máy Xanh	DT TB 1CH trong tháng	3.04	3.37	2.69	2.79	2.73	2.40	1.67	1.14
	DT 1 tháng	2,762	3,058	2,441	2,579	2,532	2,250	1,583	1,085
	Số Cửa Hàng	1,500	1,531	1,553	1,628	1,699	1,731	1,763	1,768
	% Doanh thu	54.0%	54.0%	53.9%	53.2%	53.4%	53.3%	51.4%	50.1%
	Doanh thu	5,966	11,728	16,616	21,519	27,677	33,306	37,001	39,326
Bách Hóa Xanh	DT mỗi CH	4.0	7.7	10.7	13.2	16.3	19.2	21.0	22.2
	DT CH mỗi tháng	5,966	5,864	5,539	5,380	5,535	5,551	5,286	4,916
	DT TB 1CH trong tháng	3.98	3.76	3.15	3.01	3.62	3.25	2.10	1.32
	DT 1 tháng	5,966	5,762	4,887	4,903	6,158	5,628	3,695	2,325
	Số Cửa Hàng	1,749	1,756	1,767	1,803	1,851	1,888	1,919	1,928
Bách Hóa Xanh	% Doanh thu	21.0%	19.2%	19.3%	20.0%	20.5%	21.4%	24.4%	26.3%
	Doanh thu	2,320	4,170	5,950	8,090	10,625	13,372	17,565	20,644
	DT mỗi CH	1.3	2.4	3.4	4.5	5.7	7.1	9.2	10.7
	DT CH mỗi tháng	2,320	2,085	1,983	2,022	2,125	2,229	2,509	2,581
	DT TB 1CH trong tháng	1.33	1.05	1.01	1.19	1.37	1.46	2.18	1.60
	DT 1 tháng	2,320	1,850	1,780	2,140	2,535	2,747	4,192	3,080
Doanh thu		11,049	21,719	30,827	40,449	51,830	62,487	71,986	78,495
Lợi nhuận sau thuế		494	999	1,337	1,691	2,171	2,552	2,784	3,006
Net Profit Margin		4.47%	4.60%	4.34%	4.18%	4.19%	4.08%	3.87%	3.83%
Tổng cửa hàng		4157	4195	4229	4354	4532	4610	4686	4700



HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

DLG	2.48
KPF	2.50
SHA	2.50
TS4	2.78
PPC	2.84
MBB	2.87
ELC	3.21
SRF	3.46
SGT	5.80
DIC	5.88
FDC	6.64
PGD	6.84
TRC	6.88
DRH	6.93
HVG	7.69
CLG	9.09
HTT	12.50
ATG	12.50

Top tăng giá HNX

VC7	3.01
L43	3.45
DNY	3.85
CTC	4.35
GMX	6.37
LO5	7.14
CTA	7.14
NDF	7.69
PVX	7.69
KDM	7.95
SDA	8.05
VMS	8.33
VE4	9.05
TKC	9.09
NHP	10.53
SGO	11.11
MPT	11.11
DPS	11.11
PVE	12.00
HKB	12.50
SPP	12.50
KSK	12.50
ALV	12.90
LTC	13.04
ASA	13.04
MEC	13.51

TN1 - CTCP Thương mại Dịch vụ TNS Holdings - Dự kiến phát hành hơn 4,9 triệu trái phiếu có mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn 36 tháng, tổng giá trị chào bán tương đương 491 tỷ đồng. Thời gian chào bán dự kiến trong quý IV/2021 - quý I/2022.

HVN - Tổng công ty Hàng không Việt Nam - Vietnam Airlines đã triển khai thành công phương án phát hành thêm cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ. Dự kiến, việc chuyển giao cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông đã thực hiện thành công quyền mua sẽ được thực hiện trong quý IV/2021.

SC5 - CTCP Xây dựng số 5 - Ngày 04/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 05/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%, thanh toán bắt đầu từ ngày 21/10/2021.

PVI - CTCP PVI - Thông báo, đăng ký bán toàn bộ hơn 10,72 triệu cổ phiếu quỹ hiện có từ ngày 01/10 đến 29/10 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh.

SGC - CTCP Xuất nhập khẩu Sa Giang - Ngày 18/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 19/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 03/11/2021.

ABS - CTCP Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận - Đã thông qua Nghị quyết chuyển nhượng một phần số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của Công ty con. Cụ thể, ABS dự kiến chuyển nhượng tối đa 20% vốn tại CTCP VCD Riverbank. Giá chuyển nhượng tối thiểu là 15,500 đồng/cp.

PPS - CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam - Ngày 01/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 04/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 11%, thanh toán bắt đầu từ ngày 21/10/2021.

VMC - CTCP Vimeco - Ngày 14/10 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 15/10. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 1/11/2021.

NVL - Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va - Novaland đã thông qua phương án phát hành tối đa 500 tỷ đồng trái phiếu được đảm bảo bằng cổ phiếu NVL và các tài sản khác (nếu cần thiết) thuộc sở hữu của Novagroup, cùng các cá nhân/tổ chức khác.

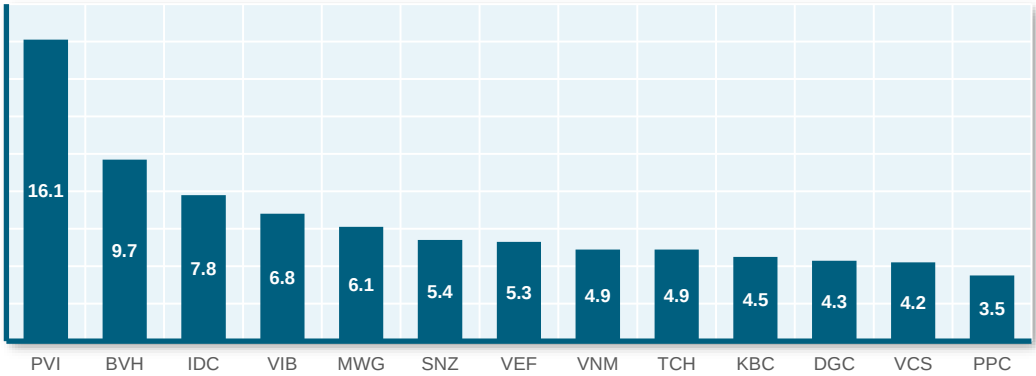


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	67.0	4,296,300	13.3	2.7	-	20,800	165,473	19.01	5,056	24,447
VIB	HOSE	38.5	2,162,100	6.8	2.8	-	16,100	59,718	20.50	5,638	13,552
VCB	UPCOM	99.5	454,700	18.0	3.5	277,000	75,100	369,033	23.56	5,532	28,293
VBB	HNX	17.8	74,265	21.4	1.5	-	-	8,503	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	18.0	1,925,957	15.1	1.3	-	-	8,009	0.01	1,196	13,597
TPB	HOSE	41.6	9,113,500	9.1	2.2	-	7,000	48,742	30.00	4,565	18,925
TCB	HOSE	50.6	7,364,700	11.0	2.1	-	-	177,348	22.49	4,614	23,938
STB	UPCOM	26.8	13,849,400	13.9	1.6	2,131,700	1,391,300	50,430	15.53	1,922	16,846
SSB	HOSE	36.0	1,789,800	20.9	2.9	-	-	48,330	0.01	1,723	12,310
SHB	HOSE	27.0	20,283,303	12.4	1.9	62,250	1,400	51,990	3.96	2,183	14,014
SGB	HNX	18.8	177,590		1.6	-	-	5,790	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	24.1	82,740	32.6	1.8	-	-	7,230	15.00	739	13,529
OCB	HNX	24.7	5,176,600	6.5	1.4	11,700	1,100	33,768	21.95	3,799	17,827
NVB	HOSE	29.5	201,440	143.9	2.8	5,200	3,000	12,001	8.53	205	10,726
NAB	HOSE	21.1	432,895	6.3	1.3	1,500	-	9,631	0.01	3,367	16,324
MSB	HOSE	30.0	14,502,400	9.1	1.7	-	15,800	35,250	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.7	29,129,100	7.4	1.4	12,296,800	1,243,400	108,438	22.91	3,897	19,986
LPB	HOSE	22.5	3,007,700	8.7	1.6	700	99,000	27,021	3.60	2,591	14,466
KLB	HOSE	24.3	2,714,221	11.9	1.7	-	-	7,773	0.01	2,035	14,117
HDB	HOSE	25.5	1,608,800	6.6	1.5	73,400	643,900	50,801	17.99	3,854	17,399
EIB	HOSE	24.1	805,700	27.6	1.7	12,300	15,700	29,568	29.73	874	14,061
CTG	HOSE	31.7	6,347,500	7.2	1.3	351,100	232,700	152,342	24.65	4,394	25,028
BVB	HOSE	22.0	3,761,711	19.0	1.7	-	-	8,076	0.08	1,157	12,737
BID	HOSE	39.7	964,900	15.8	1.9	18,900	16,500	159,674	16.63	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.9	114,698	24.1	1.9	2,000	-	16,225	-	950	12,242
ACB	HOSE	32.0	6,688,700	6.9	2.1	-	-	86,462	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	22.0	4,323,552	7.9	1.3	-	-	12,569	30.00	2,801	16,671
141,354,272				18.59	1.90	15,244,550	3,782,800	1,750,195		2,766	16,602



Thống kê nhóm cổ phiếu chứng khoán:

Mã CK	Sàn CK	Giá	Vol3t	Vốn Hóa	EPS	PE	P/Bv	BV
SSI	UPCOM	41,800	13,523,727	36,500,045	2,647.4	15.8	2.36	17,724
VCI	UPCOM	62,500	5,622,857	20,812,500	3,445.7	18.1	2.11	29,655
HCM	HNX	54,500	5,872,003	16,624,781	3,099.8	17.6	3.49	15,612
VND	UPCOM	52,600	9,432,060	22,566,916	6,320.1	8.3	2.51	20,939
SHS	UPCOM	38,400	6,401,798	7,959,099	5,431.3	7.1	2.14	17,951
MBS	UPCOM	33,800	3,254,103	9,044,912	1,470.3	23.0	2.57	13,147
FTS	HOSE	58,100	832,761	8,573,368	3,583.0	16.2	3.27	17,751
VIX	HNX	18,700	4,357,330	2,381,959	5,549.5	3.4	1.16	16,190
AGR	HOSE	16,800	3,277,005	3,548,159	1,000.6	16.8	1.72	9,775
BSI	UPCOM	27,600	1,424,344	3,349,272	2,231.6	12.4	2.17	12,711
ORS	HNX	26,700	1,801,789	5,340,000	1,944.6	13.7	2.53	10,574
VDS	HOSE	33,100	1,143,732	3,478,964	3,856.6	8.6	2.57	12,884
CTS	HOSE	27,600	1,758,675	2,936,629	2,676.3	10.3	1.99	13,885
TVS	HOSE	35,600	139,386	3,492,260	5,036.9	7.1	2.40	14,852
BVS	UPCOM	32,800	899,901	2,368,165	3,242.7	10.1	1.22	26,909
EVS	HOSE	32,200	367,222	2,028,613	3,859.6	8.3	2.27	14,167
SBS	HOSE	15,200	3,962,204	1,925,232	79.4	191.5	9.25	1,643
PHS	HOSE	17,000	1,695	2,379,992	979.4	17.4	1.51	11,291
TVB	HOSE	22,200	1,349,554	2,369,083	2,793.8	7.9	1.91	11,645
ART	HNX	10,300	4,403,254	998,302	31.6	325.8	0.90	11,459
TCI	UPCOM	19,600	472,122	970,200	2,671.6	7.3	1.60	12,235
IVS	UPCOM	12,000	152,162	832,200	411.7	29.1	1.22	9,862
BMS	UPCOM	23,100	400,350	1,316,700	4,097.6	5.6	1.78	12,977
APS	HOSE	19,500	2,519,527	760,500	2,387.2	8.2	1.75	11,126
PSI	UPCOM	13,400	466,192	801,873	300.3	44.6	1.27	10,519



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	GVR	HOSE	13/10/2021	14/10/2021	28/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	DNA	UPCoM	8/10/2021	11/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
3	SGN	HOSE	8/10/2021	11/10/2021	25/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	GKM	HNX	7/10/2021	8/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
5	MSB	HOSE	7/10/2021	8/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
6	TV4	HNX	6/10/2021	7/10/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
7	BPC	HNX	5/10/2021	6/10/2021	29/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	TKA	UPCoM	5/10/2021	6/10/2021	14/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	SC5	HOSE	4/10/2021	5/10/2021	21/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	HD8	UPCoM	4/10/2021	5/10/2021	21/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	SZE	UPCoM	4/10/2021	5/10/2021	19/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	SNZ	UPCoM	1/10/2021	4/10/2021	26/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	SVT	HOSE	1/10/2021	4/10/2021	19/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	VLW	UPCoM	1/10/2021	4/10/2021	20/10/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	DND	UPCoM	1/10/2021	4/10/2021	25/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	CLL	HOSE	30/09/2021	1/10/2021	14/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	DNT	UPCoM	30/09/2021	1/10/2021	15/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	THW	UPCoM	30/09/2021	1/10/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 590 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	POW	HOSE	30/09/2021	1/10/2021	4/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	HLD	HNX	30/09/2021	1/10/2021	11/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	PVO	UPCoM	30/09/2021	1/10/2021	25/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	ABS	HOSE	30/09/2021	1/10/2021	15/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	CNG	HOSE	29/09/2021	30/09/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	NT2	HOSE	29/09/2021	30/09/2021	28/10/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	FOX	UPCoM	29/09/2021	30/09/2021	21/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	HBC	HOSE	29/09/2021	30/09/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
27	DBC	HOSE	29/09/2021	30/09/2021	23/11/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	GLW	UPCoM	28/09/2021	29/09/2021	11/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931